

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

Tháng 2 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Minh Tân

Ban Giám Đốc

Ông Đỗ Trung Khánh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Vương

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch và Ban Giám đốc,



Lê Minh Tân

Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 95/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24/02/2026, từ trang 6 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số “12. Vốn chủ sở hữu”, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi mà chưa có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Trần Xuân Thường

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 5801-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.511.115.938	27.803.751.844
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.170.169.037	27.623.195.738
Tiền	111		16.170.169.037	27.623.195.738
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.230.893.374	38.456.935
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	7.357.955.291	165.518.852
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(127.061.917)	(127.061.917)
Hàng tồn kho	140		110.053.527	141.205.681
Hàng tồn kho	141	8	110.053.527	141.205.681
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	893.490
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	893.490
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.496.980.456	310.558.879.373
Tài sản cố định	220		310.404.053.456	310.533.788.473
Tài sản cố định hữu hình	221	9	310.404.053.456	310.533.788.473
- Nguyên giá	222		330.295.124.662	330.295.124.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.891.071.206)	(19.761.336.189)
Tài sản dài hạn khác	260		92.927.000	25.090.900
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	92.927.000	25.090.900
TỔNG TÀI SẢN	270		334.008.096.394	338.362.631.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.687.265.721	24.162.413.171
Nợ ngắn hạn	310		19.687.265.721	24.162.413.171
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	385.293.601	119.943.562
Phải trả người lao động	314		388.788.105	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	16.606.022.500	21.511.315.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.307.161.515	2.531.154.609
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.320.830.673	314.200.218.046
Vốn chủ sở hữu	410	12	314.320.830.673	291.708.519.046
Vốn góp của chủ sở hữu	411		314.200.218.046	291.708.519.046
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.612.627	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		120.612.627	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	22.491.699.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	22.491.699.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		334.008.096.394	338.362.631.217

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu


Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng




Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	33.423.884.596	33.428.635.780
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.423.884.596	33.428.635.780
Giá vốn hàng bán	11	14	26.525.502.516	25.088.829.814
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.898.382.080	8.339.805.966
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	41.264.997	39.461.573
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	5.910.966.745	5.996.325.397
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.028.680.332	2.382.942.142
Thu nhập khác	31	17	1.789.579.400	118.000.000
Chi phí khác	32		-	17.850.000
Lợi nhuận khác	40		1.789.579.400	100.150.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.818.259.732	2.483.092.142
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	406.007.199	151.873.941
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.412.252.533	2.331.218.201



Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng



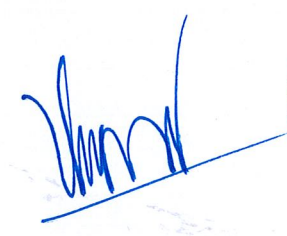
Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		26.240.152.012	33.653.979.965
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(8.631.257.834)	(9.500.209.899)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(14.299.900.600)	(14.199.776.800)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(190.000.000)	(100.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		32.220.789.000	23.364.590.765
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(46.834.074.276)	(9.491.252.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.494.291.698)	23.727.331.425
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(50.181.800)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	119.681.800
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.264.997	39.461.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.264.997	108.961.573
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.453.026.701)	23.836.292.998
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	27.623.195.738	3.786.902.740
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	16.170.169.037	27.623.195.738



Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200110909 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/11/2018.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12/256 thôn Đông Thái, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 248.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng). Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 là 314.200.218.046 đồng (Ba trăm mười bốn tỷ, hai trăm triệu, hai trăm mười tám nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và dịch vụ công ích thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Chủ tịch và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn dịch vụ công ích thủy lợi, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ dịch vụ công ích thủy lợi, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương, tưới tiêu... phục vụ mục đích thủy lợi theo hợp đồng đặt hàng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP Hải Phòng; doanh thu cung cấp nước thô; doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu dịch vụ cung cấp nước thô ghi nhận căn cứ sản lượng cung cấp nước hàng kỳ có xác nhận của các đơn vị mua.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.10 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tồn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn dịch vụ công ích thủy lợi).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	732.552.373	311.568.373
Tiền gửi ngân hàng	15.437.616.664	27.311.627.365
Cộng	16.170.169.037	27.623.195.738

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	89.797.917
- Sở Nông nghiệp và PTNT TP Hải Phòng	7.153.764.364	700.000
- Ban quản lý dự án xây dựng huyện Vĩnh Bảo	1.000.000	1.000.000
- Công ty TNHH XD TM Trung Thu	20.278.755	-
- Công ty TNHH Thành An	46.020.555	-
- Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng	32.571.000	32.571.000
- Công ty Cổ phần xây dựng Toàn Thành	10.829.700	-
- Công ty Cổ phần Tân Sơn	-	38.171.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.693.000	3.278.435
Cộng	7.357.955.291	165.518.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Hợp tác xã Nông nghiệp Xã Trần Dương	89.797.917	-	89.797.917	-
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng	700.000	-	700.000	-
- Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Bảo	1.000.000	-	1.000.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng	32.571.000	-	32.571.000	-
- Các khoản phải thu khác	2.993.000	-	2.993.000	-
Cộng	127.061.917	-	127.061.917	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	92.927.000	25.090.900
Cộng	92.927.000	25.090.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	110.053.527	-	129.205.681	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	12.000.000	-
Cộng	110.053.527	-	141.205.681	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	295.006.543.666	34.371.925.696	837.287.000	79.368.300	330.295.124.662
31/12/2025	295.006.543.666	34.371.925.696	837.287.000	79.368.300	330.295.124.662
HAO MÔN LŨY KẾ					
01/01/2025	(14.873.486.086)	(4.724.753.103)	(83.728.700)	(79.368.300)	(19.761.336.189)
- Khấu hao trong năm	(46.006.317)	-	(83.728.700)	-	(129.735.017)
31/12/2025	(14.919.492.403)	(4.724.753.103)	(167.457.400)	(79.368.300)	(19.891.071.206)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	280.133.057.580	29.647.172.593	753.558.300	-	310.533.788.473
31/12/2025	280.087.051.263	29.647.172.593	669.829.600	-	310.404.053.456

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 3.885.037.050 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	42.147.295	211.286.455	203.682.400	49.751.350
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.023.807	406.007.199	190.000.000	275.031.006
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.211.895	10.000.000	39.318.405
- Thuế tài nguyên	18.772.460	88.220.380	85.800.000	21.192.840
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	226.241.600	226.241.600	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.787.000	9.787.000	-
Cộng	119.943.562	991.754.529	725.511.000	385.293.601
	01/01/2025 VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số phải thu trong năm VND	31/12/2025 VND
- Thuế thu nhập cá nhân	893.490	893.490	-	-
Cộng	893.490	893.490	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bình Phát	1.610.462.000	-
- Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Duy Hưng	1.673.412.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TSC	1.812.980.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại vận tải Hải Bình	1.834.820.000	-
- Sở tài chính Hải Phòng	5.000.000	-
- Công ty TNHH 20-21	305.428.000	-
- Công ty cổ phần Thành Đức	287.287.000	-
- Ngân sách thành phố	105.860.000	-
- Công ty TNHH xây dựng Như Hải	2.757.077.000	4.029.901.000
- Công ty TNHH Xây dựng thương mại và xuất nhập khẩu Tân Phát	5.419.858.500	2.173.019.000
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Vinh	793.838.000	1.178.995.000
- Công ty cổ phần xây dựng Đại Phú	-	1.216.046.000
- Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và xây dựng Phú An	-	1.327.807.000
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Trường Thịnh	-	2.272.549.000
- Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Huy Hiếu	-	1.352.341.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Thành Công	-	1.257.569.000
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại vận tải Hải Bình	-	3.869.191.000
- Công ty cổ phần Xây dựng tổng hợp Thành Đức	-	1.992.135.000
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và thương mại Bình Phát	-	841.762.000
Cộng	16.606.022.500	21.511.315.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2024	292.122.730.404	-	292.122.730.404
- Lãi trong năm	-	2.331.218.201	2.331.218.201
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.331.218.201)	(2.331.218.201)
- Giảm khác	(427.893.158)	-	(427.893.158)
- Tăng khác	13.681.800	-	13.681.800
31/12/2024	291.708.519.046	-	291.708.519.046
01/01/2025	291.708.519.046	-	291.708.519.046
- Lãi trong năm	-	2.412.252.533	2.412.252.533
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(2.291.639.906)	(2.291.639.906)
- Tăng khác (**)	22.491.699.000	-	22.491.699.000
31/12/2025	314.200.218.046	120.612.627	314.320.830.673

(*) Công ty đã tạm phân phối 95% lợi nhuận năm 2025 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi; theo quy định hiện hành, việc phân phối lợi nhuận của Công ty cần được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt.

(**) Tăng vốn kinh doanh các công trình bàn giao theo Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi	29.453.967.496	29.747.834.680
- Doanh thu bán nước thô	3.969.917.100	3.680.801.100
Cộng	33.423.884.596	33.428.635.780

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn dịch vụ công ích thủy lợi	23.848.742.423	22.922.790.676
- Giá vốn bán nước thô	2.676.760.093	2.166.039.138
Cộng	26.525.502.516	25.088.829.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	41.264.997	39.461.573
Cộng	41.264.997	39.461.573

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.508.965.117	4.604.153.683
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.252.000	180.378.650
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.746.079	74.510.170
- Thuế và các khoản lệ phí	236.028.600	236.029.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.585.600	332.940.100
- Chi phí bằng tiền khác	519.389.349	568.313.794
Cộng	5.910.966.745	5.996.325.397

17. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	118.000.000
- Thu từ thanh lý vật tư	127.909.400	-
- Thu tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	1.661.670.000	-
Cộng	1.789.579.400	118.000.000

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.818.259.732	2.483.092.142
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	429.982.092	1.723.722.438
- Lợi nhuận phân bổ hoạt động thủy lợi	429.982.092	1.723.722.438
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.388.277.640	759.369.704
Thuế suất	17%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	406.007.199	151.873.941
Chi phí thuế TNDN hiện hành	406.007.199	151.873.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. THÔNG TIN KHÁC

19.1 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

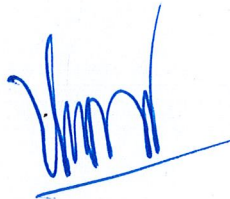
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.



Tô Thanh Tùng
Người lập biểu



Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026